

**Chuyên đề**

# **DỰ TOÁN SẢN XUẤT KINH DOANH**



9/17/2008

□ Prepared by Nguyen Bao Linh University of Economics

1

## **Khái niệm**

- Lập ngân sách (budgeting) là sự tính toán một cách chi tiết về việc huy động và sử dụng các nguồn lực của một doanh nghiệp trong một thời kỳ.
- Ngân sách được thể hiện với những thông tin về số lượng và trị giá
- Ngân sách được chia thành nhiều cấp độ khác nhau cho các cấp quản lý và các thời kỳ khác nhau.

9/17/2008

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh - University of Economics

2

## **Ích lợi của hoạch định ngân sách**

- Vạch ra đường đi cụ thể đến các mục tiêu chung của doanh nghiệp, nhờ đó có thể dễ dàng điều chỉnh khi hoạt động của doanh nghiệp đi lệch hướng.
- Cung cấp các tiêu thức cụ thể để đo lường, đánh giá mức độ hoạt động trong từng thời kỳ

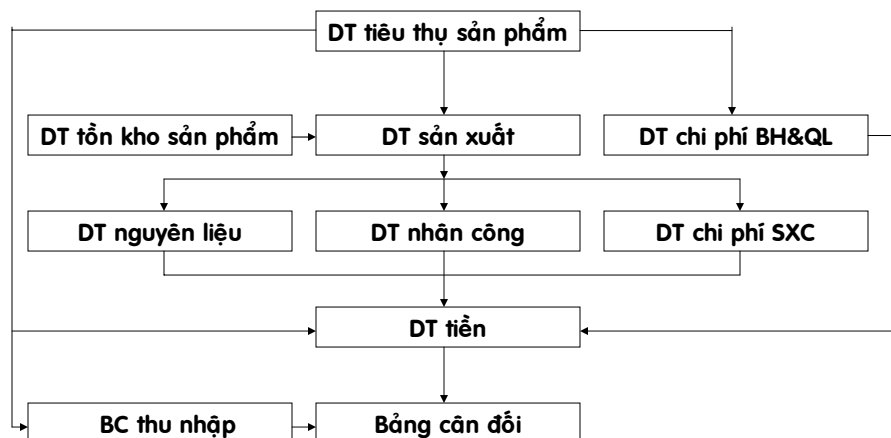
## **Ích lợi của hoạch định ngân sách**

- Giúp phát hiện những hạn chế về nguồn lực nhờ đó có thể huy động các nguồn lực bên ngoài để đảm bảo đạt các mục tiêu đề ra với chi phí thấp nhất.
- Kết nối hoạt động của các bộ phận trong doanh nghiệp nhờ đó tạo ra sự đồng bộ và nâng cao hiệu quả hoạt động chung.

## Thông tin trong hoạch định

- Thông tin về thị trường, nguồn lực được đưa từ các bộ phận có liên quan lên cấp quản lý cao hơn và sau khi được hoàn tất, dự toán sẽ được công bố ngược lại đến các bộ phận để phối hợp hoạt động.
- Các dự toán có liên quan ràng buộc lẫn nhau, nếu không hoàn thành ở một khâu sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của bộ phận khác.

## Trình tự lập dự toán



## **Dự toán tiêu thụ sản phẩm**

- Phần 1 Tính toán doanh thu bằng cách xác định lượng bán và giá bán cho từng thời kỳ
- Phần 2 Lập dự kiến thu tiền bán hàng trong trường hợp doanh nghiệp có bán hàng chậm trả

## **Thông tin để ước tính lượng bán**

- Các dữ liệu quá khứ
- Chính sách giá cả của doanh nghiệp
- Kết quả nghiên cứu thị trường
- Những biến động chung về kinh tế, chính trị có liên quan
- Sự thay đổi các chỉ số kinh tế
- Tình trạng cạnh tranh trong ngành
- Các chính sách của nhà nước
- Quảng cáo, khuyến mãi, bảo hành

## Ví dụ

- Công ty M đang hoạch định cho hoạt động của năm 2009 chi tiết cho từng quý.
- Giá bán đơn vị sản phẩm là 20đ và lượng bán trong các quý ước tính như sau
  - Q1: 10.000
  - Q2: 30.000
  - Q3: 40.000
  - Q4: 20.000

## Ví dụ

- Theo kinh nghiệm, 70% doanh thu sẽ thu được ngay trong quý bán hàng, phần còn lại sẽ thu trong quý kế tiếp.
- Khoản phải thu khách hàng tại thời điểm 31/12/2008 ước tính là 90.000đ sẽ được thu trong quý 1 năm 2009

Bảng 1

## Dự toán tiêu thụ sản phẩm

	Q 1	Q 2	Q 3	Q 4	Năm
Lượng bán					
Đơn giá bán					
Doanh thu					
<b>LỊCH THU TIỀN DỰ KIẾN</b>					
Phải thu (31/12/2008)					
Quý 1					
Quý 2					
Quý 3					
Quý 4					
Cộng thực thu					

## Dự toán sản xuất

- Tính toán số lượng sản phẩm cần sản xuất trong từng kỳ từ thông tin về số lượng sản phẩm tiêu thụ và tồn kho
- Số lượng sản phẩm sản xuất = Số lượng sản phẩm tiêu thụ + Số lượng sản phẩm tồn kho cuối kỳ – Số lượng sản phẩm tồn kho đầu kỳ

## Ví dụ

- Công ty đã xây dựng định mức tồn kho thành phẩm như sau:
- Tồn kho thành phẩm vào đầu mỗi quý phải tương đương 20% lượng bán ra trong quý.
- Ước tính tồn kho thành phẩm vào cuối quý 4/2009 là 3.000 sản phẩm.

Bảng 2

## Dự toán sản xuất

	Q 1	Q 2	Q 3	Q 4	Năm
Lượng bán (Bảng 1)					
Tồn kho TP cuối kỳ					
Cộng nhu cầu					
Trừ tồn kho TP đầu kỳ					
Số lượng SP cần SX					

## Dự toán nguyên liệu

- Sản phẩm của doanh nghiệp sử dụng một loại nguyên liệu có định mức về lượng tiêu hao là 5kg/sản phẩm, giá là 0,6đ/kg
- Tồn kho nguyên liệu đầu quý được xác định là 10% số lượng nguyên liệu sử dụng trong quý. Tồn kho nguyên liệu cuối quý 4 2009 ước tính là 7.500kg

## Dự toán nguyên liệu

- Nguyên liệu được mua ngoài với giá bình quân 0,6đ/kg. 50% trị giá nguyên liệu mua sẽ được thanh toán ngay trong quý, phần còn lại được thanh toán trong quý kế tiếp
- Khoản phải trả nhà cung cấp vào 31/12/2008 là 25.800đ sẽ phải thanh toán trong quý 1 2009



Bảng 3

## Dự toán nguyên liệu

	Q 1	Q 2	Q 3	Q 4	Năm
SL SP sản xuất					
Tiêu hao NL/1sp					
Nhu cầu NL cho SX					
Ước tính NL Tồn CK					
Tổng nhu cầu					
Ước tính NL Tồn ĐK					
NL cần mua trong kỳ					
Trị giá mua (0.6/kg)					
LỊCH CHI TIẾT DỰ KIẾN					
Phải trả (31/12/2008)					
Quý 1					
Quý 2					
Quý 3					
Quý 4					
Cộng					

9/17/2008

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh - University of Economics

17

## Dự toán nhân công

- Theo định mức, mỗi sản phẩm cần 0,8h lao động trực tiếp của công nhân.
- Đơn giá bình quân của lương và các khoản tính theo lương là 7,5đ/h
- Lương và các khoản liên quan được thanh toán hết trong quý

9/17/2008

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh - University of Economics

18

Bảng 4

## Dự toán nhân công

	Q 1	Q 2	Q 3	Q 4	Năm
SL SP cần SX					
Đmức thời gian /1sp					
Số giờ cần sử dụng (h)					
Đơn giá 1h lao động					
Chi phí nhân công					

## Dự toán CP sản xuất chung

- Chi phí sản xuất chung phức tạp hơn các chi phí sản xuất khác.
- Nó bao gồm cả biến phí và định phí
- Nó là chi phí gián tiếp nên phải lựa chọn tiêu thức để phân bổ
- Đơn giá phân bổ phải được xác định ngay khi lập xong dự toán và áp dụng trong suốt thời kỳ được hoạch định

## Dự toán CP sản xuất chung

- Doanh nghiệp phân bổ chi phí sản xuất chung theo số giờ lao động của nhân công trực tiếp
- Đơn giá của biến phí sản xuất chung là 2đ/h làm việc của nhân công
- Phần định phí là 60.600đ/quý trong đó có 15.000đ là chi phí khấu hao
- Ngoài việc tính toán tổng chi phí phát sinh, dự toán này còn phải tính số tiền thực chi trong kỳ cho chi phí sản xuất chung.

9/17/2008

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh - University of Economics

21

Bảng 5

## Dự toán CP sản xuất chung

	Q 1	Q 2	Q 3	Q 4	Năm
Số giờ lao động trực tiếp					
Đơn giá CP SXC khả biến					
Tổng CPSXC khả biến					
Tổng CPSXC bất biến					
Tổng CPSXChung					
Trừ CP khấu hao					
Tổng thực chi cho CP SXC					

9/17/2008

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh - University of Economics

22

## **Đơn giá phân bổ CPSXC**

- Nếu định kỳ sản xuất ngắn, doanh nghiệp có thể đợi đến khi có đơn giá phân bổ thực tế để sử dụng.
- Nếu định kỳ sản xuất dài, có thể sử dụng đơn giá dự toán để phân bổ chi phí sản xuất chung
- Theo ví dụ:
- Đơn giá là  $404.000đ \div 80.800h = 5đ/h$

## **Dự toán tồn kho thành phẩm**

- Bao gồm 2 phần
- Phần 1 ước tính giá thành đơn vị sản phẩm
- Phần 2 xác định số lượng và trị giá thành phẩm tồn kho cuối kỳ

Bảng 6

## Dự toán tồn kho thành phẩm

Chi phí	Định lượng	Định giá	Định mức CP
Nguyên liệu trực tiếp			
Nhân công trực tiếp			
CP sản xuất chung			
Giá thành đơn vị sản phẩm theo dự toán			
<b>DỰ KIẾN TỒN KHO SẢN PHẨM CUỐI KỲ</b>			
Số lượng			
CP SX đơn vị sản phẩm			
Trị giá sản phẩm tồn kho cuối kỳ			

## Dự toán chi phí BH & QL

- Chi phí bán hàng và quản lý chung cũng bao gồm biến phí và định phí
- Thông thường biến phí được tính theo số lượng sản phẩm tiêu thụ hay doanh thu
- Chi phí này có thể bao gồm khấu hao và trong trường hợp đó, chi phí khấu hao phải được trừ ra khỏi tổng chi phí để tính số tiền thực chi

Bảng 7

## Dự toán chi phí BH & QL

	Q 1	Q 2	Q 3	Q 4	Năm
Số lượng SP bán					
Biến phí BH & QL đơn vị	1,8	1,8	1,8	1,8	1,8
Tổng biến phí BH & QL					
Định phí BH & QL	-	-	-	-	-
Quảng cáo	40.000	40.000	40.000	40.000	160.000
Lương quản lý	35.000	35.000	35.000	35.000	140.000
Bảo hiểm	-	1.900	37.750	-	39.650
Chi phí khác	-	-	-	18.150	18.150
Cộng F					
Tổng chi phí BH & QL					

## Dự toán tiền

- Đây là dự toán có liên quan đến hầu hết các dự toán trước đó.
- 1. Xác định số tiền có thể sử dụng trong kỳ bằng cách ước tính số dư của tiền vào đầu kỳ và số thực thu từ khách hàng
- 2. Xác định các khoản cần chi trong kỳ
- 3. Xác định lượng tiền thừa thiếu
- 4. Tính toán phương án tài trợ bằng nợ vay
- 5. Xác định số dư của tiền vào cuối kỳ

## Dự toán tiền

- Số dư tiền vào 31/12/2008 là 42.500đ
- Doanh nghiệp xác định lượng tiền tồn quỹ tối thiểu là 40.000đ
- Doanh nghiệp dự kiến mua thiết bị trị giá 30.000đ trong Q1 và 20.000đ trong Q2
- Thuế ước tính trong năm là 72.000đ được chia đều cho các quý để dễ tính toán
- Chi trả cổ tức ước tính là 10.000đ mỗi quý

## Dự toán tiền

- Trong những quý thiếu tiền, doanh nghiệp có thể chủ động vay ngân hàng vào đầu quý.
- Ngược lại trong những quý thừa tiền, phải tranh thủ trả nợ vay và lãi vào cuối quý.
- Lãi suất (interest rate) 10%/năm được thanh toán cùng lúc với nợ gốc (principal)

Bảng 8

## Dự toán tiền

	Q 1	Q 2	Q 3	Q 4	Năm
Số dư đầu kỳ của tiền					
Tiền thu từ khách hàng					
Cộng					
Tiền chi trong kỳ					
Nguyên liệu trực tiếp					
Nhân công trực tiếp					
Chi phí SXC					
CP bán hàng & QLý					
Thuế					
Mua thiết bị					
Chia cổ tức					
Cộng chi					
Tiền thừa (thiếu)					

9/17/2008

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh - University of Economics

31

Bảng 8

## Dự toán tiền

	Q1	Q2	Q3	Q4	Năm
Tiền thừa (thiếu)					
Tài trợ bằng nợ vay					
Vay (đầu kỳ)					
Trả (cuối kỳ)					
Lãi vay (10% năm)					
Cộng tài trợ					
Số dư cuối kỳ của tiền					

9/17/2008

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh - University of Economics

32



Bảng 9

## Báo cáo thu nhập kế hoạch

	Bảng	Số tiền
Doanh thu	1	
Giá vốn hàng bán		
Lãi gộp		
Trừ CP bán hàng & quản lý		
Thu nhập trước thuế và lãi vay (EBIT)		
Trừ CP lãi vay		
Lãi trước thuế		
Thuế		
Lãi ròng		

9/17/2008

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh - University of Economics

33

## Bảng cân đối kế hoạch

- Đây là báo cáo ước tính tình hình tài sản, nợ và vốn chủ sở hữu vào thời điểm kết thúc kỳ lập dự toán
- Các số liệu vào cuối kỳ được tính từ số đầu kỳ và thể hiện tác động của các hoạt động trong kỳ đến tình trạng tài chính của doanh nghiệp vào thời điểm cuối kỳ

9/17/2008

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh - University of Economics

34

Bảng 10a

## Bảng cân đối kế hoạch (31/12/2008)

TÀI SẢN		
Tài sản lưu động		
Tiền (8) <sup>111</sup>		
Phải thu (1)		
Tồn kho nguyên liệu (3)		
Tồn kho thành phẩm (2)		
Cộng tài sản lưu động		
Tài sản cố định		
Đất	80.000	
Nhà và thiết bị	700.000	
Hao mòn	(292.000)	
Cộng tài sản cố định		
Tổng tài sản		

9/17/2008

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh - University of Economics

35

Bảng 10a

## Bảng cân đối kế hoạch (31/12/2008)

NỢ		
Phải trả (3) <sup>49</sup>		
VỐN CỔ ĐÔNG		
Cổ phần thường	175.000	
Lãi để lại	449.900	
Cộng vốn cổ đông		
Cộng nợ và vốn cổ đông		

9/17/2008

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh - University of Economics

36

Bảng 10b

## Bảng cân đối kế hoạch (31/12/2009)

TÀI SẢN		
Tài sản lưu động		
Tiền (8) <sup>118</sup>		
Phải thu (1)		
Tồn kho nguyên liệu (3)		
Tồn kho thành phẩm (2)		
Cộng tài sản lưu động		
Tài sản cố định		
Đất		
Nhà và thiết bị (8)		
Hao mòn		
Cộng tài sản cố định		
<b>Tổng tài sản</b>		

9/17/2008

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh - University of Economics

37

Bảng 10b

## Bảng cân đối kế hoạch (31/12/2009)

NỢ		
Phải trả (3) <sup>49</sup>		
<b>VỐN CỔ ĐÔNG</b>		
Cổ phần thường		
Lãi để lại		
Cộng vốn cổ đông		
<b>Cộng nợ và vốn cổ đông</b>		

9/17/2008

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh - University of Economics

38

## Tài liệu tham khảo

- **Managerial accounting** – *Ray H. Garrison.*
- **Managerial accounting** – *Ronald W. Hilton*
- **Accounting** – *Charles T. Horngren; Walter T. Harrison, Jr; Linda Smith Bamber.*
- **Cost management** – *Edward J. Blocher; Kung H. Chen; Thomas W. Lin*
- **Accounting, a business perspective** – *Roger H. Hermanson; James Don Edwards; Michael W. Maher*